

Phu lục 1a: Mẫu trang bìa KLTN

Phu lục 1b: Mẫu trang bìa CĐT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP (Times New Roman H, cỡ 13, đậm)
KHOA (Times New Roman H, cỡ 13, đậm)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP
(Times New Roman H, cỡ 16, đậm)

**LƯỢNG HÓA VIỆC PHÂN ĐỊNH RỪNG VÀ ĐẤT RỪNG
THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TẠI TỈNH PHÚ YÊN**
(Times New Roman H, cỡ 15, đậm)

Ngành:

Mã số:.....

(Times New Roman, cỡ 13, đậm)

Giáo viên hướng dẫn:.....

Sinh viên thực hiện:.....

Khoá học: 200....- 200.....

(Times New Roman, cỡ 14, nghiêng)

Hà Tây, 200... (Times New Roman, cỡ 14, đậm)

Phu lục 02: Mẫu chữ trang in

Chương 4 (Times New Roman, cỡ 14, đậm)

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

(Times New Roman H, cỡ 14, đậm)

4.1. Tình hình thực hiện giao đất giao rừng. (Times New Roman, cỡ 14, đậm)

Easol là một trong những xã đầu tiên của huyện EaH'leo của tỉnh Đaklăk tiến hành giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình sử dụng từ năm 1998, đến nay đã được 5 năm

(Times New Roman, cỡ 14)

4.2. Đánh giá tình hình sử dụng đất.

4.2.1. Tình hình sử dụng đất lâm nghiệp. (Times New Roman, cỡ 14, đậm)

a.

b.

...

4.2.2. Tình hình sử dụng đất nông nghiệp

a.

b.

....

4.3. Tác động bước đầu của giao đất, giao rừng đến phát triển Kinh tế - Xã hội - Môi trường sinh thái.

4.3.1. Tác động của giao đất, giao rừng đến phát triển kinh tế.

a.

b.

....

4.3.2. Tác động về mặt xã hội của chính sách

Phụ lục 03: Mẫu danh mục tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo (Times New Roman, cỡ 14, đậm)

Tài liệu tham khảo Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn A (1995), *Giao đất lâm nghiệp - Kinh tế hộ gia đình ở miền núi*, NXB Nông nghiệp Hà nội.
2. Nguyễn Văn B (1986), *Một số vấn đề về sinh thái nhân văn ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp Hà nội.
3. Hoàng Thị C (1996), *Những Vấn đề về văn hoá Việt Nam*, NXB Văn hoá Hà Nội.
4. Nguyễn Quốc Hưng (2001), *Những Vấn đề cần tháo gỡ để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá DNNN*, Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 21/2001, tr.25 và 26.

Tài liệu tham khảo Tiếng nước ngoài

(Xếp theo vần Alpha B)

5. A.B Said (1991), *The rehabilitation of tropical rainforests ecosystems. Restoration of tropical forest ecosystems*. Proceeding of symposium held on October 7-19, P.110-117.
6. Van Steenis.J (1956), *Basis principles of rain forest ecology*, study of tropical vegetation proceedings of the Kandy symposium, UNESCO.

1. Quy định đối với hình thức thực tập làm và bảo vệ KLTN.

a. Đối tượng: Chủ nhiệm các khoa xem xét và lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện thực tập làm và bảo vệ KLTN (theo quy định tại điều 14, Quy chế 25/2006) trình Hiệu trưởng ra quyết định.

b. Về thời lượng: KLTN có thời lượng tương đương 15 đơn vị học trình (đvht).

c. Về chuyên môn: KLTN phải bám sát với chương trình đào tạo của ngành học, đảm bảo tính hệ thống về lý luận, tính khoa học và tính thực tiễn. Số liệu thực nghiệm phải được xử lý bằng các phương pháp tiên tiến, hiện đại. Các phân tích đánh giá phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, gắn với những kết quả nghiên cứu để có những đề xuất cụ thể, tin cậy và hiệu quả.

d. Về hình thức.

* KLTN phải đánh máy vi tính, in một mặt trên khổ giấy A4, định dạng như sau:

+ Cỡ chữ (Font size): 14; Font chữ: Times New Roman; 26 dòng/trang.

+ Lê trang in: lề trái 32mm, lề phải 20mm, lề trên 25mm, lề dưới 20mm.

+ Đánh số trang in: lề dưới, giữa trang, số nguyên 1,2,3...

* Trang bìa và trang tài liệu tham khảo (theo quy định ở phụ lục số 1a, 1b và 03)

e. Về số lượng bản khoá luận tốt nghiệp và số trang quy định như sau:

* Mỗi sinh viên phải nộp 4 bản KLTN (02 bản để các phản biện chấm và 02 bản đã được chỉnh sửa sau khi có ý kiến của Hội đồng bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp). Trong 02 bản KLTN đã được chỉnh sửa có ít nhất 1 bản đóng bìa cứng, chữ nhũ vàng để các Khoa nộp về TT Thông tin khoa học tư liệu và Thư viện.

+ Mỗi khoá luận phải đính kèm bản tóm tắt KLTN (1 trang đánh máy vi tính) và bản nhận xét quá trình thực tập tốt nghiệp tại cơ sở có dấu đỏ.

+ Số trang: Khối ngành kỹ thuật, KLTN không quá 60 trang.

Khối ngành kinh tế, KLTN không quá 60 trang.

f. Tất cả những sinh viên đủ điều kiện thực tập làm KLTN, sau khi hoàn thành KLTN phải bảo vệ KLTN đó trước Hội đồng thi tốt nghiệp khoa theo quyết định của Hiệu trưởng.

2. Quy định đối với hình thức làm CĐTN và thi cuối khoá.

a. Đối tượng: Chủ nhiệm các khoa xem xét và lập danh sách những sinh viên thuộc diện thực tập làm CĐTN và thi cuối khoá (theo quy định tại điều 14, Quy chế 25/2006) trình Hiệu trưởng ra quyết định.

b. Về thời lượng: CĐTN và 02 môn thi cuối khoá có thời lượng tương đương 15 đvht.

c. Về chuyên môn:

- CĐTN không yêu cầu lý luận hệ thống, mà dừng ở mức biết cách tiếp cận thực tiễn, phương pháp thu thập tài liệu ngoại nghiệp, cách thức xử lý số liệu và nhận xét đánh giá kết quả đạt được, không đòi hỏi tính toán thiết kế, xây dựng phương án....

- Các môn thi cuối khoá: Mỗi ngành đào tạo, quy định 2 môn thi thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, trong số các học phần bắt buộc, thời lượng tương đương 5đvht/môn. Môn thi do Hội đồng thi và xét tốt nghiệp khoa đề xuất theo quy chế ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, được Chủ tịch Hội đồng thi và xét tốt nghiệp trường duyệt.

d. Về hình thức:

* CĐTN phải đánh máy vi tính, in một mặt trên khổ giấy A4, định dạng như sau:

+ Cỡ chữ (Font size): 14; Font chữ: Times New Roman; 26 dòng/trang.

+ Lề trang in: lề trái 32mm, lề phải 20mm, lề trên 25mm, lề dưới 20mm.

+ Đánh số trang in: lề dưới, giữa trang, số nguyên 1,2,3...

* Trang bìa và trang tài liệu tham khảo (theo quy định ở phụ lục số 1b và 03)

* Bìa CĐTN: Đóng bìa mềm bằng giấy bóng kính có bìa lót, màu bìa quy định như sau:

e. Về số lượng bản CĐTN và số trang quy định như sau:

+ Mỗi sinh viên phải nộp 3 bản CĐTN.

+ Mỗi bản CĐTN phải đính kèm bản tóm tắt (1 trang đánh máy vi tính) và bản nhận xét quá trình thực tập tốt nghiệp tại cơ sở.

+ Số trang: CĐTN không dài quá 40 trang (*không phân biệt khối ngành*)

f. Sinh viên không phải bảo vệ CĐTN trước hội đồng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA:

BẢN NHẬN XÉT
QUÁ TRÌNH HOÀN THÀNH CHUYÊN ĐỀ – KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
(Do giáo viên hướng dẫn ghi)

I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên SV: Lớp:..... Khoa:.....
- Giáo viên hướng dẫn:
- Tên Khoá luận/chuyên đề:
-
-
- Cơ sở Sinh viên thực tập:
- Thời gian thực tập: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

II. NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH HOÀN THÀNH CĐ/KL TỐT NGHIỆP

- 1- Tinh thần thái độ làm việc của học sinh:
-
-
- 2- Chấp hành nội dung của đề cương được duyệt:.....
-
-
- 3- Tình hình chấp hành kế hoạch thực tập được duyệt:.....
-
-
- 4- Số lượng và chất lượng số liệu thu thập được:.....
-
-
- 5- Tình hình xử lý, phân tích số liệu, giải quyết vấn đề của sinh viên:.....
-
-
- 6- Các giải pháp và đề xuất của sinh viên:.....
-
-
- 7- Những tồn tại:.....
-
-
- 8- Đánh giá chung:.....
-
-

Điểm chấm

Ngày..... tháng năm 200...
Giáo viên hướng dẫn

.....
.....
IV. NHẬN XÉT CHUNG
.....
.....
.....

V. ĐÁNH GIÁ

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chấm
1	Mục tiêu nghiên cứu (<i>rõ ràng, khả thi</i>)	5	
2	Nội dung nghiên cứu (<i>hợp lý, phù hợp mục tiêu NC</i>)	5	
3	Phương pháp nghiên cứu (<i>thích hợp, có thể đảm bảo tính tin cậy của kết quả NC</i>)	5	
4	Kết quả nghiên cứu	70	
4.1	Tổng quan và cơ sở lý luận (<i>rõ ràng, đầy đủ, phù hợp với đề tài nghiên cứu</i>)	10	
4.2	Thông tin, số liệu thu thập (<i>đầy đủ, tin cậy</i>)	10	
4.3	Xử lý số liệu, phân tích, đánh giá về vấn đề nghiên cứu (<i>chính xác, khoa học, logic</i>)	25	
4.4	Kết cấu bố cục (<i>hợp lý, logic</i>)	5	
4.5	Các giải pháp và ý kiến đề xuất (<i>hợp lý, có căn cứ khoa học và thực tiễn, có ý nghĩa</i>)	20	
5	Hành văn, hình thức trình bày (<i>chính xác, đúng quy định, sạch đẹp</i>)	5	
	Cộng	90	
6	Điểm khuyến khích	30	
6.1	Thẻ loại đề tài mới, có ý nghĩa thiết thực	10	
6.2	Áp dụng phương pháp nghiên cứu mới có hiệu quả	10	
6.3	Có cải tiến hoàn thiện về nội dung và phương pháp NC (<i>đối với thẻ loại cũ</i>)	10	
	Điểm tổng cộng	100	

Ghi chú:

- Điểm tổng cộng (kể cả điểm khuyến khích) của mỗi bài thi không được vượt quá 100 điểm.
- Sau khi cộng điểm chấm theo thang 100, giáo viên chia tổng số này cho 10 để chuyển sang thang điểm 10.

Điểm chấm
(Thang điểm 10)

Ngày..... tháng năm 200...
Người chấm phản biện